TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG LA** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST
Ngày 16-02-2023
V/v: Ly hôn giữa chị T và anh Đ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LA, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 – Ông Quàng Văn Mầng.

2 – Bà Nguyễn Thị Hương.

- Thư ký phiên toà: Ông Quàng Công Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường La tham gia phiên tòa: Ông Ông Lường Văn Hoan - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2022/TLST-HNGĐ ngày 21/12/2022 về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị CTT, sinh 1999, trú tại: Bản P, xã HT, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Có đề nghị xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh LVĐ, sinh 1997, trú tại: Bản L, xã CS, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Có đề nghị xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/12/2022 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị CTT trình bày:

Chị và anh LVĐ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 17/11/2017 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CS, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai người không hợp nhau. Từ đó chị bỏ về nhà bố mẹ, hai người sống không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị CTT xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn anh LVĐ.

Về con chung: Có một con là LTNL, sinh ngày 07/7/2018, chị nhất trí để anh LVĐ nuôi con và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000, đồng.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh LVĐ trình bày: Anh xác nhận quan hệ hôn nhân giữa chị CTT với anh LVĐ. Công nhận nguyên nhân mâu thuẫn như lời khai của nguyên đơn chị CTT. Xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, nay anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có một con là LTNL, sinh ngày 07/7/2018. Anh LVĐ có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con và yêu cầu chị CTT cấp dưỡng nuôi con 1.500.000, đồng một tháng.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không có và không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án:

Có căn cứ xử cho chị CTT được ly hôn anh LVĐ.

Về con chung: Giao cho anh LVĐ trực tiếp nuôi con LTNL, sinh ngày 07/7/2018. Chị CTT cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000, đồng (một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 3 năm 2023 đến khi cháu LTNL đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, riêng, nợ chung: Đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị CTT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị CTT và bị đơn anh LVĐ có đơn đề nghị xử vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ theo quy định Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị CTT và anh LVĐ có đăng ký kết hôn, có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Cuộc sống chung hoà thuận thời gian đầu, mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do hai người bất đồng quan điểm sống. Hai người sống ly thân từ năm 2020 đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau, xét mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được là có căn cứ.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị CTT và anh LVĐ đã được gia đình và chính quyền khuyên giải, đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị CTT yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận xử cho chị CTT được ly hôn anh LVĐ.

[3] Về con chung: Có một con là LTNL, sinh ngày 07/7/2018. Hiện nay cháu đang ở với anh LVĐ, nguyện vọng anh LVĐ xin được nuôi con và chị CTT cũng nhất trí. Cần giao con cho anh LVĐ là người trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Anh LVĐ yêu cầu chị CTT cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000, đồng. Căn cứ vào khả năng kinh tế của chị CTT. Chị CTT nhất trí cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000, đồng là có căn cứ chấp nhận, theo quy định của các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị CTT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án:

1. Xử cho chị CTT được ly hôn anh LVĐ.

2. Về con chung: Giao cho anh LVĐ trực tiếp nuôi con LTNL, sinh ngày 07/7/2018. Chị CTT cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000, đồng (một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 3 năm 2023 đến khi cháu LTNL đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung, riêng, nợ chung: Đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị CTT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng) và 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003780 ngày 21/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Còn phải nộp tiếp là 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng).

Chị CTT và anh LVĐ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

NGUYỄN MINH TUẤN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mường La (2);
- Chi cục THADS huyện Mường La;
- UBND xã CS, huyện Mường La (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (2);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.